

gây gỗ đánh đập bà L nhiều lần. Vợ chồng không còn tình cảm và sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà L xét thấy không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung có 1 con chung Đinh Tuấn Đ - sinh ngày 01/8/2011. Con chung sống cùng bà L từ nhỏ đến nay, nay ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Đinh Văn H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, giao nhận bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, ông H từ chối làm việc với Tòa án và không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có lời khai của ông H trong hồ sơ vụ án.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết và xét xử vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà L được ly hôn ông H, giao con Đinh Tuấn Đ cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông H được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông H, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông H hiện nay đang cư trú tại xã ĐT, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H kết hôn vào ngày 23/8/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, thị xã Điện Bàn, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L khai là do ông H không lo làm ăn, quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và nhiều lần đánh đập bà H. Vợ chồng không còn tình cảm, không chung sống với nhau hơn 01 năm nay. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án ông H cố tình vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai và yêu cầu của ông H đối với việc ly hôn của bà L, không tiến hành được phiên hòa giải để động viên vợ, chồng về đoàn tụ chung sống. Trong trường hợp này xét thấy vợ chồng bà L không còn tình cảm, thực tế hai người không chung sống với nhau hơn 01 năm nay, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của bà L có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đình Tuấn Đ. Bà L có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà L thấy rằng: Bà L hiện nay có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con, trong thời gian vợ chồng không chung sống với nhau cháu Đ sống cùng bà L, được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt và cháu Đ có nguyện vọng được chung sống cùng mẹ sau khi ly hôn. Đối với ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và nêu yêu cầu của mình, điều đó chứng tỏ ông H không có yêu cầu đối với vấn đề nuôi con chung. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, đồng thời giữ nguyên môi trường sống của con và đáp ứng nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên được sống cùng mẹ sau khi ly hôn, HĐXX cần phải giao cháu Đ cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi ly hôn, ông H được quyền thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có, nhưng do không có lời khai của ông H nên không xác định được bà L và ông H có tài sản chung và nợ chung không, sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng vụ án dân sự riêng nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Luật phí và Lệ phí, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 147 BLTTDS thì bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L đối với ông Đinh Văn H về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Đinh Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung

Giao con Đinh Tuấn Đ - Sinh ngày 01/8/2011 cho bà Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng (*Đinh Tuấn Đ hiện nay đang chung sống cùng bà Nguyễn Thị Hồng L*).

Bà Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu ông Đinh Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, ông Đinh Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002496, ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Nguyễn Thị Hồng L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa gửi đến hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND xã ĐT;
- THADS Điện Bàn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Nhung

